

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 694/2024/HS-PT

Ngày: 28/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Nam;

Ông Hoàng Mạnh Hùng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 852/2024/TLPT-HS ngày 15 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thu H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 802/2024/HS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo bị kháng cáo**

Họ và tên: Nguyễn Thu H; sinh năm 1973, tại Hà Nội; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: căn hộ F, tòa R6B- R, số G, đường N, phường T, T, Hà Nội; nơi ở trọ: căn hộ 2001, tòa M2- Vinhomes Metropolis, số C, phố K, phường N, B, Hà Nội; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; tham gia tổ chức Đảng, đoàn thể; không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Anh Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị M; gia đình có 04 chị em (bị cáo là con thứ ba); có chồng là Nguyễn Đức T (sinh năm 1971) và có 02 con (sinh năm 1996 và 2007); chưa có tiền án, tiền sự; bị bắt và tạm giam từ ngày 29/4/2023, tại trại tạm giam số 1- Công an Thành phố Hà Nội; có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo (theo chỉ định) có ông Đinh Anh T1, luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt

*** Bị hại có kháng cáo:**

- Chị Nguyễn Thị H1; sinh năm 1999; địa chỉ: Đ, thôn T, xã A, K, Hưng Yên; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Trần Quốc C; sinh năm 1996; địa chỉ: số A H, phường B, thị xã B, Quảng Bình; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những bị hại khác không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau

Nguyễn Thu H là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn C6 (trụ sở: số A, ngách B, ngõ B, đường T, phường T, Cầu G, Hà Nội); H thường đưa ra những thông tin gian dối (nói có quan hệ với lãnh đạo các Sở, Ban, Ngành của Thành phố hoặc tự nhận mình là Luật sư), có thể xin việc vào các Cơ quan Nhà nước, xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc mua xe ô tô cũ nhập khẩu; H hứa hẹn sẽ giúp đỡ theo yêu cầu rồi nhận tiền và chiếm đoạt tài sản của bị hại; từ tháng 06 năm 2017 đến tháng 05 năm 2022, H đã thực hiện 07 vụ lừa đảo chiếm đoạt tổng cộng là 7.513.080.000 đồng; cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Tháng 05 năm 2017, bà Nguyễn Thị M1 nói chuyện với người quen là Nguyễn Thu H về việc cần mua xe ô tô đã qua sử dụng; H nói có quan hệ quen biết với bên Hải quan và sẽ mua được xe ô tô nhập khẩu với giá rẻ; H lên mạng Internet tìm kiếm, in danh sách xe ô tô cũ nhập khẩu về Việt Nam rồi đưa cho bà M1, nói đó là danh sách các xe đang chờ làm thủ tục để bán (bà M1 không còn lưu giữ danh sách này). Bà M1 nhờ mua hộ 02 chiếc xe ô tô Toyota Camry và 01 chiếc xe ô tô Sianna; H nói toàn bộ thủ tục và chi phí về nộp thuế, giấy tờ mua bán xe sẽ do H xử lý, bà M1 phải đưa cho H là 3.750.000.000 đồng.

Ngày 08/6/2017 và ngày 12/6/2017, bà M1 đã đưa cho bà Đỗ Thị Tuyết N (là người quen) tổng cộng là 850.000.000 đồng để nhờ chuyển cho H; bà N sử dụng tài khoản số 113000168558 mở tại Ngân hàng V, mang tên Công ty TNHH S (bà N làm Giám đốc) chuyển 850.000.000 đồng đến tài khoản số 26010000714148 mở tại Ngân hàng B1, mang tên Công ty TNHH C6 cho H; bà M1 đã 04 lần đưa tiền mặt cho H tổng cộng là 2.900.000.000 đồng để cho đủ 3.750.000.000 đồng; do quen biết nên các bên không viết Giấy biên nhận.

Sau đó, không thấy H mua được xe ô tô như đã hứa hẹn nên bà M1 nhiều lần đòi lại tiền; H đã viết cho bà M1 03 giấy vay tiền, đều có chữ ký xác nhận của H ghi ngày 04/02/2018, 08/8/2018 và 30/11/2021.

Bà Nguyễn Thị M1 giao nộp tại Cơ quan điều tra: 01 giấy vay tiền ghi ngày 04/02/2018 (ký hiệu A1), 01 giấy vay tiền ghi ngày 08/8/2018 (ký hiệu A2), 01 giấy vay tiền ghi ngày 30/11/2021 (ký hiệu A3) và 01 giấy xác nhận ghi ngày 17/3/2021 (ký hiệu A4); đều ghi: người vay tiền là Nguyễn Thu H, số tiền vay là 3.750.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 5743 ngày 29/8/2023 (bút lục 355), Phòng K-Công an Thành phố Hà Nội kết luận: Chữ viết phần nội dung; Chữ ký, chữ viết

dòng họ tên Nguyễn Thu H (Ng~ Thu H) dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A2 đến A4) với chữ viết, chữ ký đúng tên Nguyễn Thu H trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M3) là chữ do cùng một người viết và ký ra. Chữ viết, chữ ký trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A1) không phải là chữ viết, chữ ký trực tiếp nên không giám định.

Bà Nguyễn Thị M1 đề nghị xử lý nghiêm đối với Nguyễn Thu H và yêu cầu bồi thường là 3.750.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Năm 2019, anh Nguyễn Minh T2 (Giám đốc Công ty Cổ phần P; trụ sở: số F, ngõ A, đường Đ, phường Đ, N, Hà Nội), ký kết và thực hiện Hợp đồng với anh Nguyễn Văn C1 (Giám đốc Công ty TNHH I; trụ sở: số A, ngõ C, ngách C, phố N, phường N, T, Hà Nội) để thuê mặt bằng làm kho tại địa chỉ: số G, xã T, T, Hà Nội. Tháng 02 năm 2020, Công ty Cổ phần X (Chủ quản mảnh đất) đến đình chỉ việc xây dựng và không cho anh T2 sử dụng thửa đất đã thuê.

Khi xảy ra tranh chấp, anh C1 giới thiệu Nguyễn Thu H cho anh T2 để nhờ giải quyết. H tự giới thiệu mình là Luật sư tại Văn phòng L1 (địa chỉ: ngõ H, phố L, H, Hà Nội) và hứa hẹn sẽ giúp anh T2 giải quyết tranh chấp, yêu cầu đưa trước 1.270.000.000 đồng để lo chi phí. Ngày 30/3/2020 và ngày 10/9/2020, anh T2 đã giao 285.000.000 đồng tiền mặt cho H; từ ngày 18/5/2020 đến ngày 14/11/2020, anh T2 sử dụng tài khoản số 14021815602013 tại Ngân hàng T4 nhiều lần chuyển tổng cộng là 985.000.000 đồng đến tài khoản số 19034081429017 của H tại Ngân hàng T4.

Sau khi nhận được tiền, H đã sử dụng vào mục đích cá nhân, không giải quyết được tranh chấp và cũng không trả lại tiền cho anh T2. Sau nhiều lần bị đòi lại tiền, H đã viết và ký tên vào các giấy tờ và đưa cho anh T2: 01 giấy nhận tiền (ghi ngày 30/3/2020), 01 bản cam kết (ghi ngày 19/01/2021), 01 giấy xác nhận (ghi ngày 23/3/2021), bản tổng hợp các lần ứng tiền 706 Thanh Liệt (ghi ngày 22/3/2021), 01 giấy xác nhận (ghi ngày 18/5/2021) và 01 giấy cam kết (ghi ngày 09/7/2021).

Ngày 21/5/2021, ngày 14/7/2021 và ngày 30/7/2021, H sử dụng tài khoản số 19034081429017 tại Ngân hàng T4 chuyển trả tổng cộng là 400.000.000 đồng đến tài khoản số 14021815602013 của anh T2 tại Ngân hàng T4.

Anh Nguyễn Minh T2 giao nộp tại Cơ quan điều tra: 01 giấy nhận tiền ghi ngày 30/3/2020, Nguyễn Thu H nhận là 255.000.000 đồng (ký hiệu A1), 01 giấy xác nhận ghi ngày 23/3/2021, H nhận là 1.270.000.000 đồng (ký hiệu A4), 01 giấy tổng hợp các lần ứng tiền 706 Thanh Liệt cho H, tổng số tiền là 1.270.000.000 đồng (ký hiệu A3), 01 giấy cam kết ghi ngày 09/7/2021 (ký hiệu A6), 01 bản cam kết ghi ngày 19/01/2021 (ký hiệu A2) và 01 giấy xác nhận ghi ngày 18/5/2021 (ký hiệu A5).

Tại Kết luận giám định số 7730 ngày 14/11/2022 (bút lục 281), Phòng K-Công an Thành phố Thu H kết luận: Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thu H (Ng~ Thu H) dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu A1, từ A3 đến

A6), chữ viết dòng họ tên Ng~ Thu H dưới chữ ký trên mẫu cần giám định (ký hiệu A2) với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thu H trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M4 - trừ chữ viết mục “1”, “2”, “3. Số”, “20. Dấu vết riêng hoặc định hình” trên mẫu so sánh (Ký hiệu M1); mục “3. Số”, “18. Dấu vết riêng hoặc định hình” trên mẫu so sánh (Ký hiệu M2); mục “3. Số”, “18. Dấu vết riêng hoặc định hình” trên mẫu so sánh (Ký hiệu M3) và mục “3.Số” và dòng chữ viết mực màu đen, mục “18. Dấu vết riêng và di hình” trên mẫu so sánh (Ký hiệu M4) là chữ do cùng một người ký và viết ra. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Ng~ Thu H trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu A2) với chữ ký đứng tên Nguyễn Thu H trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M4) có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không.

Tại Kết luận giám định số 5744 ngày 29/8/2023 (bút lục 285) của Phòng K - Công an Thành phố Thu H kết luận: Chữ viết phần nội dung trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu A1, A2, A4, A6); Chữ viết “tôi xác nhận đã nhận số tiền trên 22/3/2021” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A3); Các chữ viết "...18...5..."; “R6 - 0618 - 72A N - T – HN”; “45 ngày” tại phần nội dung và chữ viết "tôi cam kết trả tiền làm 3 lần... từ ngày 21/5/2021 đến 5/7/2021" trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A5); Chữ ký đứng tên “Ng~ Thu H” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A2) với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thu H trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ M1 đến M3) là chữ do cùng một người viết và ký ra.

Anh Nguyễn Minh T2 bị chiếm đoạt là 1.270.000.000 đồng, đã được khắc phục và trả lại là 400.000.000 đồng, yêu cầu bồi thường là 870.000.000 đồng và đề nghị xử lý nghiêm đối với Nguyễn Thu H.

Vụ thứ ba: Năm 2020, Nguyễn Thu H tham gia lớp học công chứng CCV23 tại Học viện Tư pháp và có quan hệ quen biết với chị Trần Thị H2 (học viên cùng lớp). Mặc dù không có chức năng tuyển dụng vào lực lượng Hải Quan, Kiểm toán hay các Cơ quan Nhà nước nhưng H vẫn nói với chị H2: nếu có người quen muốn xin việc làm tại các cơ quan nêu trên thì H sẽ xin giúp; chị H2 thông tin cho người quen là chị Phan Thị C2 nên chị C2 nhờ chị H2 giới thiệu để gặp H.

Cuối tháng 06 năm 2021, chị C2 gặp H tại sân tòa M2- Vinhomes M (B, Hà Nội) để nhờ xin vào làm việc tại bộ phận Pháp chế của Phòng Q- Học viện T5; H cam kết trong tháng 07 năm 2021, sẽ được đi làm và chi phí là 170.000.000 đồng. Các ngày 24 và 29/6/2021, chị C2 sử dụng tài khoản số 19034430600012 tại Ngân hàng T4 chuyển khoản đến tài khoản số 19034081429017 của H tại Ngân hàng T4 tổng cộng là 170.000.000 đồng, đưa hồ sơ xin việc để nhờ chị H2 chuyển cho H. Sau khi nhận tiền, H cho lại chị H2 20.000.000 đồng, sử dụng 150.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân hết và vứt bỏ bộ hồ sơ xin việc của chị C2.

Đến tháng 07 năm 2021, H thông báo với chị C2 do ảnh hưởng dịch bệnh Covid nên khi nào hết giãn cách xã hội thì sẽ có thông báo gọi đi làm; tháng 09

năm 2021, H đề nghị chị C2 chuyển sang làm việc tại Cục Hải quan tỉnh Ninh Bình với chi phí là 400.000.000 đồng; chị C2 đồng ý và tiếp tục chuyển khoản cho H thêm 150.000.000 đồng; chị H2 cũng chuyển trả H 20.000.000 đồng để H lo việc cho chị C2.

Như vậy, Nguyễn Thu H đã nhận và chiếm đoạt của chị Phan Thị C2 là 320.000.000 đồng; chị C2 đề nghị xử lý nghiêm đối với H và yêu cầu bồi thường là 320.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Tháng 07 năm 2021, thông qua chị Phan Thị C2 nên chị Nguyễn Thị H1 nói chuyện với chị Trần Thị H2 để nhờ xin vào làm việc tại T6; chị H2 nói chuyện với Nguyễn Thu H và H nói chi phí là 650.000.000 đồng và chuyển trước 500.000.000 đồng.

Ngày 09/7/2021, chị H1 chuyển 500.000.000 đồng từ tài khoản 1902793768716 tại Ngân hàng T4 mang tên Lê Ngọc T3 (chú của chị H1) đến tài khoản 19034118417014 tại Ngân hàng T4 mang tên Trần Thị H2; chị H1 cũng chuyển cho chị H2 bộ hồ sơ xin việc. Cùng ngày, chị H2 chuyển toàn bộ số tiền trên đến tài khoản số 19034081429017 của H tại Ngân hàng T4 rồi chuyển hồ sơ cho H. Sau đó, H yêu cầu chuyển thêm số tiền 1.000 USD để không phải tham dự thi tuyển nên ngày 29/9/2021, chị H1 nhờ chị C2 chuyển cho chị H2 là 1.000 USD; chị H2 đổi được 23.080.000 đồng và chuyển đến tài khoản 103869770683 tại Ngân hàng V1, mang tên Nguyễn Đức C3 (con trai H) theo yêu cầu của H.

Nguyễn Thu H đã rút bỏ bộ hồ sơ xin việc của chị H1 và sử dụng chi tiêu cá nhân hết 523.080.000 đồng đã nhận, không thực hiện theo hứa hẹn và cũng không trả lại tiền đã nhận. Chị Nguyễn Thị H1 đề nghị xử lý nghiêm đối với H và yêu cầu bồi thường là 523.080.000 đồng.

Vụ thứ năm: Tháng 07 năm 2021, thông qua chị Trần Thị H2 nên chị Dương Bích N1 biết Nguyễn Thu H có thể xin việc được vào lực lượng Hải quan hoặc Kiểm toán Nhà nước. Chị N1 muốn chuyển công tác cho chồng là anh Nguyễn Văn C4 (đang công tác tại Trường Cao đẳng N2- Bộ Q1; địa chỉ: phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên) đến Kiểm toán khu vực 10 (địa chỉ: phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên) nên chị N1 nhờ chị H2 nói với H xin giúp. Mặc dù không quen biết ai để xin chuyển công tác cho anh C4 nhưng H nói là có mối quan hệ, xin được và chi phí là 600.000.000 đồng, chị H2 thông báo lại thông tin này và chị N1 đồng ý.

Ngày 30/7/2021, anh C4 sử dụng tài khoản số 0983863863 tại Ngân hàng M2 (mang tên anh C4) chuyển 200.000.000 đồng đến tài khoản số 19034118417014 của chị H2 tại Ngân hàng T4; chị H2 chuyển toàn bộ số tiền đã nhận đến tài khoản số 19034081429017 của H tại Ngân hàng T4. Sau đó, chị N1 chuyển Hồ sơ xin chuyển công tác của anh C4 cho chị H2 và chị H2 đã chuyển lại cho H. Ngày 16/8/2021, chị N1 chuyển 300.000.000 đồng đến tài khoản của chị H2, số A tại Ngân hàng T4. Do H nói trả nợ chị H2 là 10.000.000

đồng và cho thêm 75.000.000 đồng tiền công môi giới, giới thiệu nên chị H2 chuyển 215.000.000 đồng đến tài khoản của H.

Sau khi nhận tiền do chị H2 chuyển, H đã chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân hết và vứt bỏ bộ hồ sơ của anh C4. H nói với chị H2 yêu cầu chị N1 chuyển trước tiền cảm ơn nên chị N1 sử dụng tài khoản số 8501207001247 tại A (mang tên chị N1) chuyển 20.000.000 đồng đến tài khoản mang tên Trần Thị H2 (chị H2 chuyển toàn bộ đến tài khoản của H); ngày 21/4/2022, chị N1 sử dụng tài khoản số 0983863863 của anh C4 tại Ngân hàng M2 chuyển 80.000.000 đồng đến tài khoản của H tại Ngân hàng T4.

Nguyễn Thu H đã nhận và chiếm đoạt của vợ chồng chị N1 là 600.000.000 đồng, cho chị H2 là 75.000.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết số tiền còn lại; chị H2 đã trả lại chị N1 là 75.000.000 đồng; vợ chồng chị N1 và anh C4 yêu cầu bồi thường là 525.000.000 đồng và đề nghị xử lý nghiêm đối với Nguyễn Thu H.

Vụ thứ sáu: Thông qua chị Trần Thị C5 nên anh Trần Quốc C biết Trần Thị H2 có người quen, có thể xin việc vào Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình; anh C nhờ chị H2 nói chuyện với H thì H nói chi phí là 650.000.000 đồng; chị H2 nói lại và anh C đồng ý.

Ngày 13/7/2021, anh C sử dụng tài khoản số 165156487 tại Ngân hàng V2 chuyển 550.000.000 đồng đến tài khoản 19034118417014 của chị H2 tại Ngân hàng T4, chị H2 đã chuyển toàn bộ số tiền trên đến tài khoản số 19034081429017 của H tại Ngân hàng T4; H chuyển lại cho chị H2 25.000.000 đồng là tiền công giới thiệu. Theo yêu cầu của H, anh C tự nộp hồ sơ thi tuyển tại T6; tháng 02 năm 2022 có kết quả thi tuyển của anh C, không đủ điểm trúng tuyển nhưng H vẫn cam kết anh C sẽ có Quyết định tuyển dụng, yêu cầu chuyển thêm 50.000.000 đồng; anh C nhờ chị C5 chuyển 50.000.000 đồng đến tài khoản số 19034081429017 của H tại Ngân hàng T4.

Cùng trong thời gian trên, thông qua chị H2 nên anh C đã nhờ H xin giúp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 05 mảnh đất. Mặc dù không có khả năng nhưng khi nghe chị H2 hỏi, H xác định giúp được, chi phí là 319.500.000 đồng nhưng cần báo cho anh C là 367.000.000 đồng và sẽ cho chị H2 phần chênh lệch.

Ngày 23 và 29/12/2021, anh C đã chuyển cho chị H2 tổng cộng là 120.000.000 đồng tiền mặt; từ ngày 05/01/2022 đến ngày 05/5/2022, anh C chuyển 04 lần là 247.000.000 đồng từ tài khoản số 0333898298 tại Ngân hàng M2 đến tài khoản số 6920108989999 của chị H2 tại Ngân hàng M2; chị H2 đã chuyển tiền mặt và chuyển khoản tổng số tiền 319.500.000 đồng đến tài khoản số 505011973888 của H mở tại Ngân hàng M2, giữ lại 47.500.000 đồng là do H hứa cho chị H2; hiện nay, anh C không cung cấp được thông tin 05 mảnh đất do không còn lưu giữ. Sau đó, H chiếm đoạt và sử dụng cá nhân hết; liên tục hứa hẹn sẽ xin được việc, xin được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đều không thực hiện và không trả lại tiền. Khi biết H không giúp được cho anh C

nên chị H2 đã chuyển trả anh C là 29.000.000 đồng và hứa sẽ trả nốt 43.500.000 đồng trong năm 2024.

Tổng cộng, Nguyễn Thu H đã chiếm đoạt của anh C là 967.000.000 đồng. Anh C xác định Nguyễn Thu H phạm tội nhiều lần, thủ đoạn tinh vi và phạm tội đến cùng nên đề nghị xử lý nghiêm và tăng nặng đối với Nguyễn Thu H; yêu cầu H phải bồi thường là 894.500.000 đồng; yêu cầu chị Trần Thị H2 phải trả lại 72.500.000 đồng, đã nhận 29.000.000 đồng nên yêu cầu trả nốt 43.500.000 đồng còn thiếu.

Vụ thứ bảy: Quá trình chị Trần Thị H2 nhờ H xin việc giúp cho nhiều người, H nói nếu chị H2 muốn vào làm việc tại ngành Hải quan thì H sẽ giúp, chỉ cần chuyển là 83.000.000 đồng và cho H vay thêm 21.500.000 đồng. Tin tưởng các thông tin do H đưa ra nên ngày 10/5/2022, chị H2 chuyển 60.000.000 đồng từ tài khoản số 19034118417014 tại Ngân hàng T4 và chuyển 44.500.000 đồng từ tài khoản số 29420101994 tại Ngân hàng V2 đến tài khoản số 505011973888 của H tại Ngân hàng M2; H bảo chị H2 chuẩn bị hồ sơ xin việc nhưng sau khi nhận hồ sơ thì H đã vứt bỏ bộ hồ sơ này.

Nguyễn Thu H đã chiếm đoạt của chị Trần Thị H2 là 83.000.000 đồng và sử dụng chi tiêu cá nhân hết; H còn vay nợ của chị H2 theo giao dịch dân sự là 43.000.000 đồng; chị H2 đề nghị xử lý H theo quy định pháp luật và yêu cầu bồi thường là 83.000.000 đồng.

Đối với Trần Thị H2: do tin tưởng các thông tin mà Nguyễn Thu H đã đưa ra nên chị H2 đã giới thiệu những người quen để nhờ H giúp, được H cho một số tiền chênh lệch nhưng không được bàn bạc về thủ đoạn gian dối, không biết H đã gian dối và chiếm đoạt tài sản nên H2 không đồng phạm với H trong vụ án; H2 cũng bị lừa đảo chiếm đoạt là 83.000.000 đồng; vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Trần Thị H2.

Đối với anh Nguyễn Đức C3 (con trai của Nguyễn Thu H): đã nhận giúp H là 23.080.000 đồng do chị Nguyễn Thị H1 nhờ chị Phan Thị C2 chuyển ngày 29/9/2021. Kết quả điều tra xác định anh C3 không được H bàn bạc, không biết nguồn gốc số tiền là do H phạm tội nên anh C3 không đồng phạm với H trong vụ án; vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Nguyễn Đức C3.

*** Tại Cáo trạng số 119/CT- VKSHN- P2 ngày 25/3/2024**, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố Nguyễn Thu H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 307/2024/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thu H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thu H 16 (mười sáu) năm tù; thời hạn chấp hành

hình phạt tù tính từ ngày 29/4/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, trách nhiệm dân sự và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại là anh Trần Quốc C và chị Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị hại là anh Trần Quốc C và chị Nguyễn Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị cáo và người bào chữa cho bị cáo trình bày: Không nhất trí kháng cáo tăng hình phạt của bị hại là anh C, chị H1, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị hại là anh Trần Quốc C và chị Nguyễn Thị H1, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng luật.

[1.2] Kháng cáo của bị hại là anh Trần Quốc C và chị Nguyễn Thị H1 trong hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Về việc vắng mặt của bị hại: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại anh Trần Quốc C và chị Nguyễn Thị H1, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thu H tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của những bị hại, các vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Thu H đã đưa ra các thông tin gian dối là có nhiều mối quan hệ, có khả năng xin việc, xin chuyển công tác, mua ô tô nhập khẩu với giá rẻ và làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất để nhiều người tin tưởng và giao tiền nhờ H giúp; từ tháng 06 năm 2017 đến tháng 05 năm 2022 (trên địa bàn Thành phố Hà Nội), Nguyễn Thu H đã nhiều lần nhận tiền tổng cộng là 7.513.080.000 đồng của 07 bị hại, không thực hiện công việc theo cam kết và hứa hẹn, chiếm đoạt toàn bộ tài sản để chi tiêu cho các mục đích cá nhân.

Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Thu H đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của anh Trần Quốc C và chị Nguyễn Thị H1 đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo H, thấy rằng:

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thu H là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội; gây tâm lý hoang mang trong nhân dân, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo; số tiền bị cáo chiếm đoạt cho đến nay chưa bồi thường cho bị hại, bị cáo phạm tội nhiều lần, đó là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại xảy ra; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có nhân thân tốt, lần đầu bị xét xử và kết án, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra; nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thu H với mức hình phạt 16 năm tù là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C, chị H1 vắng mặt và không xuất trình được những tài liệu, chứng cứ nào mới, do đó không có căn cứ để xem xét tăng hình phạt cho bị cáo. Căn cứ Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo anh Trần Quốc C và chị Nguyễn Thị H1; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[3]. Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở và được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội về án phí, lệ phí tòa án

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại của anh Trần Quốc C và chị Trần Thị H3 tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thu H; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 307/2024/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, cụ thể:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thu H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thu H 16 (mười sáu) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/4/2023.

2. Án phí:

Anh Trần Quốc C và chị Trần Thị H3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;
- Cục THADS Tp Hà Nội;
- Công an Tp Hà Nội;
- Bị cáo (qua TTG);
- Các đương sự (theo đ.c);
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Phạm Việt Hà